

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10		15		25				50				
1	K08.402.7058	Nguyễn Trần Phương Nga	22TC2	8		8		6				4	6	Sáu		
2	K11.C66.1620	Võ Thị Diệu Liên	K11KCD1	1		0		0				8	4	Bốn		
3	121322425	Thái Ngọc An	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín		
4	121322437	Trương Hồng Công	K12KCD1	6		7		6				9	8	Tám		
5	121322474	Đỗ Thị Bích Duyên	K12KCD1	10		8		10				9	9	Chín		
6	121322482	Đào Nguyễn Phương Hằng	K12KCD1	9		7		8				8	8	Tám		
7	121322492	Nguyễn Thị Thu Hương	K12KCD1	10		8		10				7	8	Tám		
8	121322495	Trương Thị Minh Hà	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín		
9	121322499	Phan Thị Ngân Hà	K12KCD1	8		8		8				7	8	Tám		
10	121322510	Trần Hồ Hạnh	K12KCD1	8		8		6				8	8	Tám		
11	121322523	Dương Khánh Hiền	K12KCD1	10		8		10				5	7	Bảy		
12	121322549	Dương Thị Thanh Huyền	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín		
13	121322557	Nguyễn Thị Lê	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín		
14	121322568	Trịnh Thị Khánh Linh	K12KCD1	9		8		8				8	8	Tám		
15	121322580	Trần Thị Bích Loan	K12KCD1	10		8		10				7	8	Tám		
16	121322591	Đoàn Thị Hải Lý	K12KCD1	10		7		10				7	8	Tám		
17	121322600	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín		
18	121322613	Trương Thị Thu Ngân	K12KCD1	8		7		8				6	7	Bảy		
19	121322620	Lý Thị Hồng Nga	K12KCD1	10		7		10				8	9	Chín		
20	121322628	Nguyễn Thị Như Ngọc	K12KCD1	10		8		10				7	8	Tám		
21	121322651	Trương Thị Trà Ni	K12KCD1	10		7		10				9	9	Chín		
22	121322663	Nguyễn Phú Châu Phi	K12KCD1	10		8		10				7	8	Tám		
23	121322670	Phan Thị Thanh Phúc	K12KCD1	9		8		10				6	8	Tám		
24	121322679	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	K12KCD1	9		8		8				7	8	Tám		
25	121322687	Trương Thị Thiện Quyên	K12KCD1	10		7		10				7	8	Tám		
26	121322695	Lê Thị Ly Sa	K12KCD1	10		7		10				9	9	Chín		
27	121322707	Đào Thị Phương Thư	K12KCD1	8		8		8				8	8	Tám		
28	121322718	Trần Nguyễn Chi Thảo	K12KCD1	10		8		10				7	8	Tám		
29	121322733	Nguyễn Thị Phương Thảo	K12KCD1	10		8		10				9	9	Chín		
30	121322740	Phan Thị Thanh Thê	K12KCD1	10		8		10				9	9	Chín		
31	121322751	Nguyễn Thị Thu	K12KCD1	10		8		10				9	9	Chín		
32	121322762	Bùi Thị Thanh Thuỷ	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín		
33	121322769	Nguyễn Thị Thuý	K12KCD1	10		8		10				9	9	Chín		
34	121322778	Trần Ngọc Bích Trâm	K12KCD1	9		8		10				8	9	Chín		
35	121322785	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	K12KCD1	8		8		6				8	8	Tám		
36	121322786	Bùi Thị Thuỳ Trang	K12KCD1	10		8		10				9	9	Chín		
37	121322796	Nguyễn Thị Hoàng Trang	K12KCD1	7		7		6				9	8	Tám		

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10		15		25				50				
38	121322802	Lê Thị Mai	Trang	K12KCD1	9		8		8				8	8	Tám	
39	121322819	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	K12KCD1	10		8		10				8	9	Chín	
40	121322830	Lương Thị Bích	Vân	K12KCD1	9		7		8				9	8	Tám	
41	121322844	Đặng Thị Hồng	Vy	K12KCD1	10		8		10				7	8	Tám	
42	121322859	Nguyễn Thị Anh	Đào	K12KCD1	9		7		10				6	7	Bảy	
43	121322872	Phan Thị Mỹ	Liên	K12KCD1	8		7		8				6	7	Bảy	
44	121322887	Nguyễn Trần Châu	Uy	K12KCD1	7		8		6				9	8	Tám	
45	121322916	Hoàng Quốc	Lập	K12KCD1	8		8		8				6	7	Bảy	
46	121322921	Phạm Hồng	Thuy	K12KCD1	9		8		8				9	9	Chín	
47	121322922	Nguyễn Thị Mi	Sa	K12KCD1	9		8		8				8	8	Tám	
48	121322412	Lý Thị Ngọc	Ánh	K12KCD2	9		9		9				7	8	Tám	
49	121322427	Đặng Thị Kiều	An	K12KCD2	9		9		7				7	8	Tám	
50	121322438	Nguyễn Quỳnh Thuy	Cao	K12KCD2	10		9		9				8	9	Chín	
51	121322447	Trần Thục	Chinh	K12KCD2	9		9		8				7	8	Tám	
52	121322461	Nguyễn Thị	Dịu	K12KCD2	9		9		8				8	8	Tám	
53	121322467	Nguyễn Thị	Dung	K12KCD2	9		8		10				8	9	Chín	
54	121322475	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K12KCD2	9		9		9				7	8	Tám	
55	121322483	Bùi Thị Thanh	Hằng	K12KCD2	8		7		8				7	7	Bảy	
56	121322494	Nguyễn Thị Thanh	Hương	K12KCD2	9		8		9				7	8	Tám	
57	121322500	Võ Văn	Hà	K12KCD2	9		8		8				7	8	Tám	
58	121322512	Hoàng Thị	Hạnh	K12KCD2	10		9		9				8	9	Chín	
59	121322524	Lê Thị Thu	Hiền	K12KCD2	9		8		8				7	8	Tám	
60	121322530	Nguyễn Thị Thuý	Hiệp	K12KCD2	9		8		8				9	9	Chín	
61	121322538	Nguyễn Thị Minh	Hoa	K12KCD2	9		8		9				7	8	Tám	
62	121322550	Trần Thị Thương	Huyền	K12KCD2	10		8		8				7	8	Tám	
63	121322558	Tăng Thị Mai	Lan	K12KCD2	9		7		10				8	8	Tám	
64	121322572	Lê Khánh	Linh	K12KCD2	10		9		9				7	8	Tám	
65	121322593	Trương Thị	Mai	K12KCD2	9		7		9				8	8	Tám	
66	121322614	Trần Nữ Mỹ	Ngân	K12KCD2	8		7		9				8	8	Tám	
67	121322621	Hồ Thị Thùy	Nga	K12KCD2	10		6		9				6	7	Bảy	
68	121322629	Phan Văn	Nghĩa	K12KCD2	9		8		9				7	8	Tám	
69	121322640	Cao Thị	Nhàn	K12KCD2	10		7		8				7	8	Tám	
70	121322652	Lê	Ni	K12KCD2	10		7		8				7	8	Tám	
71	121322664	Nguyễn Minh	Phượng	K12KCD2	10		7		8				7	8	Tám	
72	121322671	Võ Kim	Phúc	K12KCD2	8		7		8				6	7	Bảy	
73	121322688	Phạm Thị	Quyên	K12KCD2	9		6		8				8	8	Tám	
74	121322699	Trần Thị Kim	Tĩnh	K12KCD2	8		7		9				7	8	Tám	

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E				
				10		15		25				50	SỐ	CHỮ		
75	121322709	Nguyễn Thị Hương	Thơ	K12KCD2	8		8		8				6	7	Bảy	
76	121322734	Phạm Thị Bích	Thảo	K12KCD2	6		7		8				9	8	Tám	
77	121322742	Dương Đệ Lê	Thanh	K12KCD2	10		9		9				7	8	Tám	
78	121322752	Lê Thị	Thu	K12KCD2	10		6		9				7	8	Tám	
79	121322763	Trần Thị	Thuý	K12KCD2	10		8		9				8	8	Tám	
80	121322771	Lương Thị Vân	Tiên	K12KCD2	9		6		9				6	7	Bảy	
81	121322780	Chu Quỳnh	Trâm	K12KCD2	10		7		8				4	6	Sáu	
82	121322797	Đào Thị Tuyết	Trang	K12KCD2	10		7		9				5	7	Bảy	
83	121322803	Nguyễn Thuý	Trang	K12KCD2	10		6		9				6	7	Bảy	
84	121322821	Ngô Thị Lâm	Tuyền	K12KCD2	8		7		9				7	8	Tám	
85	121322832	Huỳnh Thị	Vân	K12KCD2	9		7		8				7	7	Bảy	
86	121322846	Dư Thị Hoà	Vy	K12KCD2	10		7		8				8	8	Tám	
87	121322874	Đoàn Thị Hoài	Linh	K12KCD2	9		7		8				6	7	Bảy	
88	121322888	Cao Nguyễn Xuân	Phượng	K12KCD2	10		9		8				7	8	Tám	
89	121322907	Phan Thị Thu	Trang	K12KCD2	9		7		8				6	7	Bảy	
90	121322923	Bùi Thị	Thu	K12KCD2	9		8		9				5	7	Bảy	
91	121322413	Nguyễn Thị Bích	Đào	K12KCD3	10		9		8				9	9	Chín	
92	121322428	Lê Thị Tâm	Anh	K12KCD3	7		7		7				7	7	Bảy	
93	121322476	Nguyễn Thị Thu	Giang	K12KCD3	10		7		9				8	8	Tám	
94	121322501	Phạm Thị Ngân	Hà	K12KCD3	9		9		9				7	8	Tám	
95	121322515	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	K12KCD3	9		7		8				9	8	Tám	
96	121322525	Trần Thị Ngọc	Hiền	K12KCD3	9		7		9				6	7	Bảy	
97	121322531	Trần Thị	Hiếu	K12KCD3	10		7		9				8	8	Tám	
98	121322539	Lê Thị	Hoa	K12KCD3	8		9		9				6	7	Bảy	
99	121322551	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K12KCD3	9		7		7				8	8	Tám	
100	121322561	Trần Thị Mai	Lan	K12KCD3	10		9		10				7	8	Tám	
101	121322582	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	K12KCD3	9		7		8				5	6	Sáu	
102	121322595	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	K12KCD3	9		6		8				9	8	Tám	
103	121322602	Nguyễn Trần Tiên	Nữ	K12KCD3	8		6		8				8	8	Tám	
104	121322615	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K12KCD3	10		7		9				5	7	Bảy	
105	121322622	Võ Thị Tố	Nga	K12KCD3	9		6		9				9	9	Chín	
106	121322631	Lê Thị Thảo	Nguyên	K12KCD3	6		7		8				7	7	Bảy	
107	121322641	Thân Trọng Minh	Nhật	K12KCD3	7		8		8				8	8	Tám	
108	121322655	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	K12KCD3	8		7		8				8	8	Tám	
109	121322665	Văn Diễm	Phượng	K12KCD3	6		9		9				4	6	Sáu	
110	121322682	Hoàng Thị	Quỳnh	K12KCD3	9		7		10				7	8	Tám	
111	121322700	Mai Thị Thanh	Tâm	K12KCD3	5		9		7				7	7	Bảy	

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10		15		25				50				
112	121322712	Nguyễn Thị Ngọc Thương	K12KCD3	10		7		9				5	7	Bảy		
113	121322728	Nguyễn Thị Phương Thảo	K12KCD3	7		6		8				6	7	Bảy		
114	121322735	Dương Thị Thanh Thảo	K12KCD3	7		6		9				7	7	Bảy		
115	121322743	Lê Kim Phước Thanh	K12KCD3	10		7		9				7	8	Tám		
116	121322753	Trần Thị Thu	K12KCD3	9		7		8				7	7	Bảy		
117	121322764	Lê Thị Thanh Thuý	K12KCD3	8		7		9				6	7	Bảy		
118	121322772	Phan Thị Nhã Tiên	K12KCD3	8		7		7				6	7	Bảy		
119	121322782	Hoàng Thị Thanh Trà	K12KCD3	8		7		8				7	7	Bảy		
120	121322788	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	K12KCD3	8		7		9				7	8	Tám		
121	121322798	Lý Thị Cẩm Trang	K12KCD3	5		9		9				5	7	Bảy		
122	121322804	Huỳnh Thị Thuỳ Trang	K12KCD3	8		9		6				6	7	Bảy		
123	121322823	Nguyễn Thị Tuyết	K12KCD3	9		9		9				9	9	Chín		
124	121322834	Trần Thị Yến Vi	K12KCD3	10		7		9				6	7	Bảy		
125	121322860	Phan Thuỳ An	K12KCD3	7		7		6				7	7	Bảy		
126	121322861	Trần Thị An	K12KCD3	0		0		0				P	P	Nợ HP		
127	121322889	Trần Thị Kim Phượng	K12KCD3	9		7		10				9	9	Chín		
128	121322911	Phạm Thị Ái Vinh	K12KCD3	10		9		8				7	8	Tám		
129	121322918	Nguyễn Thị Hằng	K12KCD3	10		7		10				8	9	Chín		
130	121322925	Trần Ngọc Tuấn	K12KCD3	8		9		10				6	8	Tám		
131	121322432	Trịnh Thị Bích Anh	K12KCD4	9		7		8				5	6	Sáu		
132	121322442	Trần Thị Lệ Chi	K12KCD4	9		7		7				9	8	Tám		
133	121322449	Lê Thị Thuỳ Dương	K12KCD4	7		7		8				6	7	Bảy		
134	121322462	Lê Doãn Thuỳ Dung	K12KCD4	9		7		10				7	8	Tám		
135	121322470	Huỳnh Nguyễn Phương Dung	K12KCD4	7		7		9				6	7	Bảy		
136	121322478	Trần Thị Lệ Giang	K12KCD4	8		7		7				4	6	Sáu		
137	121322487	Nguyễn Thị Thuý Hằng	K12KCD4	2		0		6				3	3	Ba		
138	121322496	Võ Thị Thu Hà	K12KCD4	8		7		7				5	6	Sáu		
139	121322518	Nguyễn Thị Thanh Hồng	K12KCD4	9		7		7				7	7	Bảy		
140	121322526	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	K12KCD4	9		7		6				5	6	Sáu		
141	121322541	Trần Thị Hồng Hoa	K12KCD4	8		10		6				8	8	Tám		
142	121322554	Huỳnh Thị Thúy Kiều	K12KCD4	9		7		10				8	8	Tám		
143	121322563	Nguyễn Thị Mai Lan	K12KCD4	8		7		6				6	6	Sáu		
144	121322577	Lê Thị Như Lệ	K12KCD4	10		7		10				6	8	Tám		
145	121322583	Ngô Xuân Long	K12KCD4	8		7		7				4	6	Sáu		
146	121322597	Hoàng Kim Minh	K12KCD4	9		7		8				7	7	Bảy		
147	121322609	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	K12KCD4	10		7		10				5	7	Bảy		
148	121322616	Nguyễn Thị Bích Ngân	K12KCD4	9		9		7				6	7	Bảy		

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ	
				10		15		25				50			
149	121322623	Dương Thị Quỳnh Nga	K12KCD4	8		9		8				7	8	Tám	
150	121322633	Nguyễn Thị Phương Nguyên	K12KCD4	8		9		8				6	7	Bảy	
151	121322645	Trần Thị Trà Nhi	K12KCD4	10		9		10				7	8	Tám	
152	121322656	Dương Thị Kim Oanh	K12KCD4	9		9		10				6	8	Tám	
153	121322666	Thái Thị Phương	K12KCD4	9		7		8				6	7	Bảy	
154	121322673	Lê Thị Phụng	K12KCD4	10		9		6				7	7	Bảy	
155	121322683	Nguyễn Hương Quỳnh	K12KCD4	4		7		10				4	6	Sáu	
156	121322691	Nguyễn Thị Hồng Sâm	K12KCD4	10		7		10				8	9	Chín	
157	121322703	Phan Văn Tân	K12KCD4	8		7		6				7	7	Bảy	
158	121322715	Đinh Thị Diệu Thương	K12KCD4	8		10		8				7	8	Tám	
159	121322730	Trần Thị Thu Thảo	K12KCD4	8		7		6				5	6	Sáu	
160	121322736	Nguyễn Thị Thắm	K12KCD4	8		10		8				9	9	Chín	
161	121322745	Nguyễn Lưu Thùy	K12KCD4	10		7		6				9	8	Tám	
162	121322758	Lê Thị Thu Thủy	K12KCD4	9		9		6				8	8	Tám	
163	121322760	Hoàng Thị Bích Thủy	K12KCD4	9		7		6				9	8	Tám	
164	121322766	Phạm Thị Thuý	K12KCD4	8		9		8				7	8	Tám	
165	121322774	Huỳnh Văn Tùng	K12KCD4	9		7		8				5	6	Sáu	
166	121322783	Nguyễn Nữ Huyền Trang	K12KCD4	10		7		6				8	8	Tám	
167	121322792	Nguyễn Thị Thành Trang	K12KCD4	10		7		6				9	8	Tám	
168	121322808	Hoàng Thị Tuyết Trinh	K12KCD4	8		10		8				5	7	Bảy	
169	121322826	Trần Thị Khánh Vân	K12KCD4	9		9		10				5	7	Bảy	
170	121322848	Nguyễn Lý Vy	K12KCD4	8		7		6				7	7	Bảy	
171	121322857	Nguyễn Thị Hoàng Yến	K12KCD4	9		10		6				6	7	Bảy	
172	121322865	Võ Huyền Dung	K12KCD4	8		10		8				6	7	Bảy	
173	121322882	Vũ Thị Ngọc	K12KCD4	8		10		6				5	6	Sáu	
174	121322893	Lê Ngọc Thương	K12KCD4	8		7		6				7	7	Bảy	
175	121322913	Hồ Thị Thu Hà	K12KCD4	10		7		8				6	7	Bảy	
176	121322919	Nguyễn Thị Thúy Kiều	K12KCD4	8		7		8				7	7	Bảy	
177	121322416	Nguyễn Anh Đào	K12KCD5	8		8		8				9	9	Chín	
178	121322433	Văn Phương Anh	K12KCD5	0		0		0				P	P	Nợ HP	
179	121322443	Trương Thị Chi	K12KCD5	10		6		8				6	7	Bảy	
180	121322451	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	K12KCD5	10		8		7				5	6	Sáu	
181	121322469	Nguyễn Thị Kim Dung	K12KCD5	9		9		6				7	7	Bảy	
182	121322472	Đỗ Thị Duyên	K12KCD5	8		8		8				6	7	Bảy	
183	121322479	Võ Thị Mỹ Giang	K12KCD5	10		9		8				7	8	Tám	
184	121322497	Nguyễn Thị Trúc Hà	K12KCD5	10		8		9				9	9	Chín	
185	121322505	Lê Việt Hải	K12KCD5	10		6		9				9	9	Chín	

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10		15		25				50				
186	121322519	Hồ Sinh	Hường	K12KCD5	10		7		9				8	8	Tám	
187	121322543	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ	K12KCD5	10		7		9				6	7	Bảy	
188	121322564	Trần Thị Ngọc	Lan	K12KCD5	10		8		8				7	8	Tám	
189	121322578	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	K12KCD5	10		8		8				9	9	Chín	
190	121322585	Cao Thành	Luân	K12KCD5	0		0		0				P	P	Nợ HP	
191	121322610	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	K12KCD5	9		6		7				5	6	Sáu	
192	121322617	Ngô Hồng	Nga	K12KCD5	10		8		9				6	7	Bảy	
193	121322635	Đặng Thị	Nguyên	K12KCD5	9		9		8				7	8	Tám	
194	121322649	Lê Thị Cẩm	Nhung	K12KCD5	10		8		9				8	8	Tám	
195	121322661	Đặng Thị Mỹ	Phẩm	K12KCD5	10		9		9				5	7	Bảy	
196	121322667	Nguyễn Thị Ánh	Phượng	K12KCD5	9		6		9				7	8	Tám	
197	121322674	Hoàng Thị	Phụng	K12KCD5	9		8		7				5	6	Sáu	
198	121322692	Phạm Văn	Sơn	K12KCD5	10		8		8				8	8	Tám	
199	121322704	Nguyễn Thị Minh	Tân	K12KCD5	10		8		8				7	8	Tám	
200	121322738	Phạm Việt	Thắng	K12KCD5	10		6		9				6	7	Bảy	
201	121322748	Nguyễn Thị Hồng	Thụy	K12KCD5	7		6		9				4	6	Sáu	
202	121322759	Huỳnh Thị Thu	Thủy	K12KCD5	10		7		9				8	8	Tám	
203	121322776	Trương Tấn	Tú	K12KCD5	10		7		9				8	8	Tám	
204	121322784	Phan Thị Thuý	Trang	K12KCD5	10		9		7				8	8	Tám	
205	121322809	Huỳnh Thị Khánh	Trinh	K12KCD5	10		8		9				10	9	Chín	
206	121322836	Võ Thoại	Vi	K12KCD5	10		9		9				8	9	Chín	
207	121322851	Phạm Thị Như	Y	K12KCD5	9		9		9				7	8	Tám	
208	121322867	Nguyễn Nguyên Yên	Hương	K12KCD5	10		6		8				7	7	Bảy	
209	121322884	Nguyễn Thị	Nhàn	K12KCD5	10		9		7				7	8	Tám	
210	121322914	Lê Thị	Loan	K12KCD5	10		8		6				7	7	Bảy	
211	121322920	Phan Thị Minh	Phượng	K12KCD5	10		9		9				8	9	Chín	
212	111322926	Huỳnh Thị Kim	Chi	K12KCD6	9		8		9				7	8	Tám	
213	121322436	Phạm Văn	Công	K12KCD6	10		9		9				8	9	Chín	
214	121322453	Trần Thị Mỹ	Diễm	K12KCD6	9		9		7				6	7	Bảy	
215	121322473	Lê Thị Mỹ	Duyên	K12KCD6	9		9		7				7	8	Tám	
216	121322480	Nguyễn Hương	Giang	K12KCD6	8		8		8				7	8	Tám	
217	121322490	Nguyễn Thị	Hương	K12KCD6	10		9		7				9	9	Chín	
218	121322521	Bùi Văn	Hùng	K12KCD6	9		8		9				7	8	Tám	
219	121322528	Lê Thị	Hiền	K12KCD6	10		8		7				8	8	Tám	
220	121322535	Nguyễn Duy	Hưng	K12KCD6	6		8		7				4	6	Sáu	
221	121322548	Phan Thị Thanh	Huyền	K12KCD6	10		9		10				8	9	Chín	
222	121322556	Trần Thị Phương	Lân	K12KCD6	10		9		7				8	8	Tám	

Thời gian : -

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ	
				10		15		25				50			
223	121322567	Nguyễn Thị Liên	K12KCD6	9		8		8				8	8	Tám	
224	121322590	Dương Thị Lý	K12KCD6	10		9		7				6	7	Bảy	
225	121322599	Võ Thị Hoàng	K12KCD6	9		9		8				7	8	Tám	
226	121322611	Huỳnh Thị Bảo	K12KCD6	8		8		7				5	6	Sáu	
227	121322618	Nguyễn Thị Hằng	K12KCD6	10		8		7				6	7	Bảy	
228	121322625	Phạm Thị Thuý	K12KCD6	9		8		7				6	7	Bảy	
229	121322650	Lương Thị Thuỳ	K12KCD6	9		8		8				6	7	Bảy	
230	121322662	Phạm Thị Phấn	K12KCD6	9		8		8				7	8	Tám	
231	121322668	Nguyễn Đoàn Xuân	K12KCD6	10		8		9				8	8	Tám	
232	121322675	Nguyễn Thị Phụng	K12KCD6	9		9		9				8	9	Chín	
233	121322685	Nguyễn Mỹ Quyên	K12KCD6	9		8		8				7	8	Tám	
234	121322694	Phan Thị Quỳnh	K12KCD6	10		9		8				8	8	Tám	
235	121322717	Trần Hoài Thương	K12KCD6	10		9		8				9	9	Chín	
236	121322732	Lê Thị Phương	K12KCD6	10		9		8				8	8	Tám	
237	121322739	Lưu Thị Thắng	K12KCD6	10		9		8				9	9	Chín	
238	121322750	Lê Thị Thu	K12KCD6	9		9		7				8	8	Tám	
239	121322768	Cao Thị Kim Thuý	K12KCD6	10		8		9				9	9	Chín	
240	121322777	Dương Thị Quỳnh	K12KCD6	10		8		8				7	8	Tám	
241	121322795	Trần Thị Thuỳ	K12KCD6	9		9		8				7	8	Tám	
242	121322815	Hà Trung	K12KCD6	10		9		9				9	9	Chín	
243	121322840	Huỳnh Kỳ Vệ	K12KCD6	9		9		8				8	8	Tám	
244	121322858	Lê Thị Hải Yến	K12KCD6	10		8		8				8	8	Tám	
245	121322869	Hồ Thị Hồng	K12KCD6	10		9		8				9	9	Chín	
246	121322886	Nguyễn Thị Nhung	K12KCD6	10		8		9				7	8	Tám	
247	121322905	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	K12KCD6	8		8		7				7	7	Bảy	
248	121322915	Trương Văn Thịnh	K12KCD6	10		9		10				8	9	Chín	

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtu@yahoo.com.vn để điều chỉnh.